TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 21 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kính

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 210/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T; sinh ngày 16/11/1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 1/144 đường M, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 37/11/20/4 PĐ, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị L (đã chết); sống chung như vợ chồng với chị Phan Thị T và có 01 con sinh ngày 03/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Trần Tuyết M, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 421 ADV, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Phan Thanh A – Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Gia Phan – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2015, Nguyễn Đức T có quen biết với Chị Trần Tuyết M do làm chung công ty buôn bán phụ kiện điện thoại di động tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 4 năm 2016, vì trong gia đình phát sinh nhiều chuyện không vui, trong một lần đi

dự đám tiệc, chị M uống say, khi tỉnh dậy thì chị M thấy mình đã ở trong khách sạn cùng với T. Cả hai có quan hệ tình dục với nhau và T có dùng điện thoại di động quay video ghi lại cảnh T và chị M quan hệ tình dục. Và các lần tiếp theo, khi chị M đi khách sạn quan hệ tình dục với T thì T cũng dùng điện thoại quay video ghi lại, T nói với chị M mục đích ghi hình để giữ làm kỷ niệm.

Đến khoảng năm 2017, T nói với chị M rằng mình muốn đi học cao đẳng tại Trường đại học Tôn Đức Thắng, để sau này có công việc ổn định, đồng thời đề nghị chị M chu cấp cho T học phí và chi phí sinh hoạt, tiêu dùng mỗi tháng là 7.000.000 (bảy triệu) đồng, lần lượt hàng tháng cho đến khi T học xong. Chị M cho rằng vì muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, không cho chồng biết mối quan hệ với T, không muốn làm tổn thương chồng nên chị M đồng ý chuyển tiền theo đề nghị của T.

Đến tháng 10/2019, T nhắn tin cho chị M nói muốn chị M giao một lần toàn bộ số tiền học phí, chi phí mà chị M chuyển hàng tháng, tổng cộng còn 11 tháng là 77.000.000 (bảy mươi bảy triệu) đồng. Chị M nói rằng thời điểm này đang khó khăn, chị mới sinh con nhỏ, chưa đi làm lại. Sau đó, T yêu cầu chị M đưa trước 02 tháng là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng cho người bạn của T tên R tại CB, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 11/2019, chị M chuyển hết số tiền 09 tháng còn lại là 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng (vào tháng 12/2019 và tháng 01/2020) coi như đã thực hiện xong.

Tuy nhiên, đến tháng 02/2020, T tiếp tục nhắn tin buộc chị M phải đưa tiếp cho T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, và đe dọa nếu chị M không đồng đồng ý, T sẽ gửi những đoạn video ghi hình ảnh cả hai quan hệ tình dục cho chồng của chị M, mục đích là công khai quan hệ để gây áp lực với chị M. Vì đe bị dọa nên chị M khóa máy và đổi số điện thoại. Lúc này, chồng chị M nghi ngờ và theo dõi khi phát hiện chị M có các biểu hiện lạ như bỏ số điện thoại cũ, khóa các ứng dụng mạng xã hội như Zalo, Facebook, hay lo lắng và mất ngủ….

Đến ngày 18/5/2020, do không liên lạc được với chị M nên T đã gửi cho chồng của chị M các bức ảnh chụp cắt ra từ video quay lại cảnh T và chị M quan hệ tình dục với nhau. Mục đích làm cho chị M lo sợ mà chuyển số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho T. Đồng thời, T còn dọa gửi tiếp khoảng 5.000 tấm hình và 05 video nữa. Chồng chị M gặng hỏi và chị M đã kể lại hết sự việc cho chồng biết. Sau đó, chị M đã kết nối liên lạc qua mạng xã hội Zalo với số điện thoại mới của T, để làm rõ mục đích, yêu cầu của Th. Quá trình trao đổi qua lại, T tiếp tục yêu cầu chị M chuyển cho T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và hứa sẽ xóa hết tất cả hình ảnh và video. Vì lo sợ sự việc bị phát tán, chị M và T thỏa thuận, chị M sẽ đưa cho T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng và T sẽ đưa lại cho chị M chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám có lưu trữ 05 đoạn video.

Ngày 22/5/2020, T chuyển chiếc điện thoại di động lưu trữ 05 video cho chị M nhưng do T nói không nhớ, không cung cấp được mã số mật khẩu tài khoản icloud của điện thoại nên chị M không thể đăng nhập và xóa bỏ video trong điện thoại. T tiếp tục uy hiếp yêu cầu chị M đến ngày 23/5/2020 phải chuyển tiền cho Thành. Do quá hoảng sợ, sáng ngày 23/5/2020, chị M cùng gia đình đến nhà T và trình báo sự việc đến Công an Phường 15, Quận 8, đồng thời giao nộp chiếc điện thoại di động do T đưa trước đó. Công an tiến hành ghi nhận sự việc và chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra, làm rõ.

Qua truy xét, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã triệu tập Nguyễn Đức T đến để lấy lời khai, làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và giao nộp 01 điện thoại di động hiệu SamSung lưu trữ 03 tấm ảnh được T cắt ra từ video.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã nhận và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 201/CT-VKS ngày 02/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Cưỡng đoạt tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 03 năm tù nhưng hưởng án treo, với thời gian thử thách theo quy định; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J2 màu vàng tạm giữ của bị cáo, do bị cáo dùng làm phương tiện lưu trữ hình ảnh nhạy cảm không xóa được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát áp dụng để truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến ý chí của bị hại M khi đồng ý giao cho bị cáo số tiền 77.000.000 đồng là do sự hối thúc và áp lực của bị cáo đối với bị hại. Xem xét mục đích của bị cáo T khi gửi hình ảnh cho chồng của chị M. Mặt khác, đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý về hậu quả do hành vi bị cáo gây ra là rất nặng nề đối với bị hại, tạo sự nghi kỵ vợ chồng, ảnh hưởng đến tâm lý bị hại và tâm lý con nhỏ của bị hại; ảnh hưởng đến tương lai hạnh phúc gia đình chị M. Tuy nhiên, bị cáo cũng có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát trình bày là đúng, nhưng cũng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các tình tiết đã nêu trên để tăng nặng trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Để đảm bảo vụ việc không bị diễn biến tiêu cực thêm, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình hai bên, đề nghị tiêu hủy vật chứng là những hình ảnh, thiết bị lưu trữ các hình ảnh, video không xóa được.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cãi và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Từ tháng 02 năm 2020 đến ngày 23/5/2020, bị cáo Nguyễn Đức T dùng các hình ảnh, đoạn video (ghi hình ảnh quan hệ tình dục giữ bị cáo và Chị Trần Tuyết M) để đe dọa, uy hiếp tinh thần chị M, nhằm chiếm đoạt số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng của chị M. Hành vi của bị cáo đã kịp thời bị phát hiện, về hậu quả bị cáo chưa chiếm đoạt được là ngoài ý muốn của bị cáo. Số tiền 60.000.000 đồng mà bị cáo uy hiếp chị M phải đưa cho bị cáo đây là tình tiết định khung tăng nặng *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* của tội "Cưỡng đoạt tài sản".

[3] Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Cưỡng đoạt tài sản" như sau:

"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu; tài sản chưa bị chiếm đoạt. Hiện tại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Phan Thị T và có 01 con chung sinh ngày 03/6/2019; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ, do chị T không có việc làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét đối với bị cáo.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, có công việc ổn định, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Hội đồng xét xử nhận thấy thời điểm chị M giao cho bị cáo Thành tổng cộng số tiền 77.000.000 (bảy mươi bảy triệu) đồng không thể hiện sự đe dọa hay ép buộc của T. Mục đích của việc T gửi hình ảnh cho chồng của chị M là nhằm gây sức ép tâm lý cho chị M sợ mà giao cho bị cáo số tiền 60.000.000 đồng. Hành vi này đã được xem xét là dấu hiệu định tội và định khung tăng nặng đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo hiện là lao động chính, nguồn thu nhập để sinh sống và trực tiếp nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J2 màu vàng, xét bị cáo cáo dùng làm phương tiện phạm tội và lưu giữ những hình ảnh nhạy cảm, do không thể xóa các hình ảnh, video trong các điện thoại nên cần tịch thu tiêu hủy các điện thoại để bảo đảm tiêu hủy các hình ảnh, video nhạy cảm bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên; thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo Nguyễn Đức T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự**.**

Tịch thu tiêu hủy :

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu vàng, gắn sim số 0974484344 và sim số 0968078443, số IMEI 1 : 357161098079188, SỐ IMEI 2 : 357162098079186.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S màu xám đen, số IMEI : 353260073657382.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/10/2020 tại Cơ quan thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.